

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 26/12/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 466/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 442/2022/QĐST-HN ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: Số A/B, khóm D, phường E, thành phố X, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư ấp T, xã C, huyện H, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số A/B, khóm D, phường E, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu sau đó đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố X, tỉnh An

Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 238 vào ngày 19/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, thường xuyên cãi vã trong sinh hoạt cuộc sống hằng ngày ông T thường xuyên đánh vợ và có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà H nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trương Văn T1, sinh ngày 15/8/2006 và Trương Minh C, sinh ngày 03/8/2009. Bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Minh T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà Phạm Thị H vẫn nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông T

Ông T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

*** *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

*** *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay:***

- Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý đến nay, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia các phiên hoà giải do Tòa án thực hiện là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Trương Minh T.

- Về con chung: Giao con chung cho bà H, chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở ông T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Phạm Thị H với ông Trương Minh T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Trương Minh T. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Trương Minh T và được Công an phường E, thành phố X, An Giang cung cấp thông tin “Trương Minh T, sinh năm 1986, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A/B, khóm D, phường E, thành phố X, tỉnh An Giang”. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu sau đó đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, thường xuyên cãi vã trong sinh hoạt cuộc sống hằng ngày và ông T thường xuyên đánh vợ và có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà H nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

[2.2] Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nhưng ông T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà H. Như vậy, ông T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà H và tạo thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, thường xuyên cãi vã trong sinh hoạt cuộc sống hằng ngày và ông T thường xuyên đánh vợ và có quan hệ với người phụ nữ khác, giữa vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy ông T không còn quan tâm đến hôn nhân của mình, mặt khác tình cảm của bà H dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T.

[2.4] Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Trương Minh T có 02 con chung tên Trương Văn T1, sinh ngày 15/8/2006 và Trương Minh C, sinh ngày 03/8/2009 hiện nay đang sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, cháu T1 và cháu C cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy, cháu T1 và cháu C hiện nay do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Trương Văn T1, sinh ngày 15/8/2006 và Trương Minh C, sinh ngày 03/8/2009 cho bà H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà H và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Bà Phạm Thị H phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Trương Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Trương Văn T1, sinh ngày 15/8/2006 và Trương Minh C, sinh ngày 03/8/2009 cho bà H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trương Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị H và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Trương Minh T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000921 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trương Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đức Anh

